

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-05-2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.***

***Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lực***

***Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm***

***- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.***

Ngày 20 tháng 05 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST – HNGĐ, ngày 25 tháng 03 năm 2021, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị T** – sinh năm: 1983 ( vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh L.

**2. Bị đơn:** anh **Lý Văn C** – sinh năm: 1978 ( vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lý Văn C hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị T và anh C đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 24 tháng 3 năm 2003.

Sau ngày cưới vợ chồng anh chị cùng sinh sống tại nhà cha mẹ chồng tại ấp P, xã T. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, anh chị thường hay cự cãi nên tình cảm vợ

chồng lạnh nhạt cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh C sống ly thân từ tháng 12 năm 2010 cho đến nay.

Nay chị T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lý Văn C.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Lý Văn Trung N sinh ngày 04/02/2001 đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Văn Công trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình anh chị đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 24 tháng 03 năm 2003.

Sau ngày cưới vợ chồng anh chị cùng sinh sống tại nhà cha mẹ anh C tại ấp P, xã T. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống không đồng ý về sống chung với anh nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung tên Lý Văn Trung N sinh ngày 04/02/2001 đã thành niên nên anh Công không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 9, Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lý Văn C.

- Về con chung: Cháu Lý Văn Trung N sinh ngày 04/02/2001 đã thành niên nên chị T, anh C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con (bản sao); Đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Đơn xin vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Lý Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị T và anh C đã có thời gian dài không ai quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh chị đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị T và anh C không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc chị T và anh C thống nhất thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] **Về con chung:** vợ chồng có một người con chung là cháu Lý Văn Trung N sinh ngày 04/02/2001 đã thành niên nên chị Nguyễn Thị T và anh Lý Văn C thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và các khoản nợ phải thu, phải trả:** chị Nguyễn Thị T và anh Lý Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Lý Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

### **1/ Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lý Văn C.

- **Về con chung:** cháu Lý Văn Trung N sinh ngày 04/02/2001 đã thành niên nên chị Nguyễn Thị T và anh Lý Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung và các khoản nợ phải thu, phải trả:** Chị Nguyễn Thị T và anh Lý Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

### **2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:**

Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0009016, ngày 25 tháng 03 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Anh Lý Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Kim Mẫn**

